V

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2019/DS-ST Ngày 19 ngày 11 năm 2019 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Vân Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Nguyên Hồng

Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lèo Văn C, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản B, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lò Văn Đ, sinh năm 1956 và bà Cà Thị E (đã chết). Địa chỉ: Bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 08/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – ông Lèo Văn C trình bày như sau:

Ngày 30/12/2008, ông Lò Văn Đ và vợ là bà Cà Thị E (trú tại bản P, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) có vay của ông số tiền là 94.930.000 VNĐ, thỏa thuận lãi suất 0,5%/tháng, hẹn đến ngày 30/9/2009 sẽ trả đủ cả gốc và lãi. Hai bên có thỏa thuận viết thành giấy vay tiền. Tuy nhiên đến nay ông Đ, bà E vẫn chưa trả được số tiền nợ trên cho ông, dù ông đã nhiều lần đến đòi. Đến ngày 09/6/2019, ông Đ, bà E đã viết giấy cam kết trả nợ cho ông xác nhận còn nợ ông số tiền là 100.000.000 VNĐ nhưng xin trả nợ mỗi năm 5.000.000VNĐ. Không đồng ý với việc xin trả nợ trên nên ông khởi kiện ra Tòa, yêu cầu ông Đ, bà E có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 94.930.000 VNĐ và tiền lãi của 10 năm theo thỏa thuận là 0,5%/tháng là 56.400.000 VNĐ. Tổng cộng là 151.330.000 VNĐ.

Tại phiên tòa ông C sửa đổi một phần yêu cầu khởi kiện, do có nhầm lẫn về con số về số tiền gốc ông Đ còn nợ là 94.903.000VNĐthành 94.930.000 VNĐ. Yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc trên do bà E đã chết vào ngày 06/10/2019 nên toàn bộ số tiền nợ trên ông Đ có trách nhiệm trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2019 và các lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lò Văn Đ trình bày:

Ông quen biết ông Lèo Văn C thông qua người cháu là anh Quàng Văn M (trú tại bản Nà Si, xã M, huyện Mường La, tỉnh Sơn La). Năm 2008 ông có nhận thầu đất nương để trồng ngô của ông C. Hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói không lập biên bản thầu khoán, với nội dung mỗi năm ông trả cho ông C số tiền là 32.000.000 VNĐ và ông đã trả được một năm rồi không làm nữa. Trong năm 2008, ông cũng có lần ra mua thức ăn và gạo và nợ lại tiền của ông C nhưng hai bên cũng không làm giấy tờ gì. Đối với giấy vay nợ ngày 30/12/2008 ông C cung cấp để khởi kiện có nội dung ông có nợ số tiền 94.930.000 VNĐ, ông không đồng ý với nội dung này vì không được vay số tiền trên. Tuy nhiên, thời gian đã lâu nên ông cũng không nhớ có phải là đã ký nhận nợ với ông C vào giấy vay tiền đó không. Ông xác nhận còn nợ tiền gạo và thức ăn của ông C nhưng số tiền không phải là 94.930.000 VNĐ. Đối với giấy cam kết trả nợ ngày 09/5/2019, có chữ ký của ông là do ông C và những người đi cùng đã ép ông ký nhận nợ với ông C. Ông xác nhận hiện còn nợ ông C số tiền là 55.000.000 VNĐ nhưng do bà E vợ ông mới chết, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông đề nghị được trả dần số tiền này mỗi năm 5.000.000 VNĐ cho đến hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét

xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 16, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông LEo Văn C. Buộc ông Lò Văn Đ phải trả cho ông Lèo Văn C số tiền gốc là 94.903.VNĐ theo giấy vay tiền ngày 30/12/2008 và tiền lãi phát sinh là 0,5%/tháng tính từ ngày vay tiền 30/1/2/2008 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 62.047.000 VNĐ. Tổng cộng ông Đ phải trả số tiền là 156.950.000 VNĐ. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nhưng được miễn án phí do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Việm kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lèo Văn C khởi kiện yêu cầu ông Lò Văn Đ, bà Cà Thị E (cư trú tại bản P xã C huyện Mai Sơn tỉnh Sơn La) phải trả số tiền vay từ ngày 30/12/2008 theo giấy vay tiền được ký kết giữa hai bên nên Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch vay tiền giữa hai bên được thực hiện vào ngày 30/12/2008 nhưng đến ngày 09/6/2019 ông Đ, bà E đã ký xác nhận vào giấy cam kết trả nợ cho ông Đ. Tại biên bản lấy lời khai bị đơn thừa nhận một phần nghĩa vụ với nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự không có yêu cầu về thời hiệu nên xác định vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định.

Về tư cách tham gia tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn sửa đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc ông Lò Văn Đ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ còn nợ. Việc viết giấy vay nợ ngày 30/12/2008 và giấy cam kết trả nợ ngày 09/6/2019 đều do cả ông Đ và bà E cùng ký xác nhận nên ông Đ, bà E cùng có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đây là một trong những

nghĩa vụ chung về tài sản chung vợ chồng theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình và ông Đ, bà E có trách nhiệm liên đới về việc trả nợ theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình. Do bà E đã chết vào ngày 06/10/2019 nên ông C yêu cầu ông Đ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Đ có quyền yêu cầu những người có nghĩa vụ liên đới khác phải thực hiện phần nghĩa vụ liên đới của họ đối với ông theo quy định tại khoản 2 Điều 288 và Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 và sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu. Vì vậy trong vụ án này, Tòa án không xem xét đến di sản thừa kế của bà Cà Thị E và không đưa những người được hưởng di sản thừa kế của bà E vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án 01 giấy vay tiền mặt với nội dung: Ngày 30/12/2008 ông Lò Văn Đ, bà Cà Thị E vay của ông C số tiền gốc là 94.903.000VNĐ để đầu tư làm nương, với lãi suất 0,5%/tháng, thời gian trả ngày 30/9/2009.

Ông Lò Văn Đ cho rằng giữa hai bên không có việc vay tiền mặt nói trên mà chỉ xác nhận vào năm 2008 ông Đ có thầu đất nương của ông C để trồng ngô với thoả thuận mỗi năm trả cho ông C số tiền 32.000.000VNĐ. Ông Đ đã trả tiền thầu được một năm nhưng sau đó không làm nữa. Cũng trong năm 2008 ông Đ có đến mua chịu tiền gạo và tiền thức ăn của ông C. Việc thầu đất nương và mua chịu thức ăn hai bên không lập thành biên bản. Số tiền ông Đ còn nợ ông C chỉ là 55.000.000VNĐ chứ không phải là 94.903.000VNĐ như ông C đang khởi kiện. Tuy nhiên, ông Đ không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho nội dung trình bày trên là có căn cứ. Hơn nữa, bản thân ông Đ cũng xác nhận trong biên bản lấy lời khai do thời gian đã lâu nên cũng không nhớ là có ký nhận nợ với ông C như trong giấy vay nợ ngày 30/12/2008 ông C cung cấp hay không.

Đến ngày 09/6/2019, ông Đ, bà E đã viết giấy cam kết trả nợ với nội dung xác nhận còn nợ ông C số tiền là 100.000.000 VNĐ từ năm 2008 và hứa trả mỗi năm 5.000.000 VNĐ. Ông Đ cho rằng việc viết giấy nhận nợ trên là do ông C và những người đi cùng ép buộc ông phải viết và ký, nhưng cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc bị ép buộc viết giấy nhận nợ trên. Về số tiền 100.000.000 VNĐ trong giấy nhận nợ, tại phiên toà ông C cho biết bao gồm cả số tiền nợ gốc là 94.903.000 VNĐ và tiền lãi phát sinh trong 10 năm nếu ông Đ, bà E trả tiền được. Việc yêu cầu ông Đ, bà E viết giấy nhận nợ trên nhằm xác định nghĩa vụ và trách nhiệm trả nợ của ông Đ, bà E do thời gian vay nợ đã lâu, đã phải đi đòi nhiều lần.

Như vậy toàn bộ nội dung trong giấy vay tiền ngày 30/12/2008 và giấy cam kết trả nợ ngày 09/6/2019 đều do ông Đ tự tay viết và ký, không có chứng cứ cho rằng ông Đ bị ép buộc. Do đó xác định đây là giao dịch dân sự có thật và hợp pháp, cần được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc ông Đ có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 94.903.000VNĐ theo giấy vay nợ ngày 30/12/2008.

Về yêu cầu tính lãi: Hai bên thoả thuận mức lãi suất 0,5 %/tháng vào ngày 30/12/2008. Theo quy định tại Quyết định số 3161/QĐ-NHNN ngày 22/12/2008 của Ngân hàng Nhà nước thì mức lãi suất cơ bản là 8,5%/năm như vậy thoả thuận lãi suất 0,5%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tính từ ngày 30/12/2008 đến ngày xét xử là 19/11/2019 là 10 năm 10 tháng 19 ngày. Như vậy, ông Đ phải chịu số tiền lãi là:

(94.903.000 VNĐ × 6% × 10 năm) + (94.903.000 VNĐ × 0,5% × 10 tháng) + (94.903.000 VNĐ × 0,02% × 19 ngày) = 62.047.000 VNĐ.

Từ những nhận định trên, cần buộc ông LEo Văn Đ phải thanh toán cho ông C số tiền nợ gốc là 94.903.000 VNĐ, tiền lãi phát sinh từ thời điểm vay đến nay là 62.047.000 VNĐ. Tổng cộng là 156.950.000VNĐ.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toà án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định, tuy nhiên, ông Đ (sinh năm 1956) đã trên 60 tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 16, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lèo Văn C. Buộc ông Lò Văn Đ phải thanh toán cho ông Lèo Văn C số tiền gốc là 94.903.000VNĐ theo giấy vay tiền ngày 30/12/2008 và tiền lãi phát sinh với lãi xuất 0,5%/tháng tính từ ngày vay tiền 30/12/2008 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 62.047.000 VNĐ. Tổng cộng là 156.950.000 VNĐ (Một trăm năm mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (ông LEo Văn C) cho đến khi thi hành án xong, ông Lò Văn Đ còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (với mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 0,5%/tháng).

2. Về án phí: Ông Lò Văn Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Lèo Văn C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.783.000VNĐ (Ba triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003283 ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nông Văn Thịnh